

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Bà Trần Thị Kim Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 425/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Điền Nguyệt X, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Số G, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Số B, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Điền Nguyệt X trình bày:

Bà và ông Nguyễn Nhật T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/8/2014, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, bà và ông T đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày: 21/01/2015 và Nguyễn Gia P, sinh ngày: 14/01/2019, hiện các con chung đang sinh sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Nguyễn Nhật T để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Điền Nguyệt X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật, bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điền Nguyệt X về việc tranh chấp ly hôn với ông Nguyễn Nhật T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Điền Nguyệt X khởi kiện ông Nguyễn Nhật T yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Nhật T là bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Điền Nguyệt X thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng từ mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con chung thành mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà X không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Nhật T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Điền Nguyệt X và ông Nguyễn Nhật T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/8/2014, hôn nhân do tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà X cho rằng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, bà và ông T đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông T để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng ông T vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X thể hiện ông T không muốn hàn gắn, đồng thời bà X và ông T đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà X và ông T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Điền Nguyệt X đối với ông Nguyễn Nhật T.

[3.2] Về con chung: Bà Điền Nguyệt X và ông Nguyễn Nhật T có 02 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày: 21/01/2015 và Nguyễn Gia P, sinh ngày: 14/01/2019, sau khi ly hôn bà X yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung. Xét thấy, hiện các con chung đang sinh sống với bà X, ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của bà X và việc giao con chung cho bà X nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Gia B, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc bà X yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung, ông T không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu này của bà X và yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Điền Nguyệt X khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Điền Nguyệt X khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Điền Nguyệt X phải nộp. Án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng) là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Nhật T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Điền Nguyệt X đối với bị đơn ông Nguyễn Nhật T về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Điền Nguyệt X được ly hôn với ông Nguyễn Nhật T.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày: 21/01/2015 và Nguyễn Gia P, sinh ngày: 14/01/2019 cho bà Điền Nguyệt X trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng/01 con chung, thời điểm cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi hoặc có sự thay đổi.

Ông Nguyễn Nhật T được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà Điền Nguyệt X khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Điền Nguyệt X khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Điền Nguyệt X phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005312 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Điền Nguyệt X đã thực hiện xong.

- Ông Nguyễn Nhật T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (án phí cấp dưỡng) là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Điền Nguyệt X có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Nhật T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Nhon Thạnh, TP Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út